

Số: **229** / BC-UBND

Quảng Trị, ngày **18** tháng **11** năm 2021

BÁO CÁO

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết 31/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của HĐND tỉnh “về chính sách hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng các kết quả KH&CN trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017-2025”.

I. Xác định vấn đề bất cập tổng quan

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

Những thành tựu to lớn của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ (KH&CN) đã và đang đẩy nhanh sự phát triển của lực lượng sản xuất, nâng cao năng suất lao động, làm chuyển biến mạnh mẽ cơ cấu kinh tế của các quốc gia và làm thay đổi sâu sắc mọi mặt đời sống xã hội. Nhận thức rõ vấn đề này, Quốc hội đã thông qua Hiến pháp năm 2013 khẳng định: “*Phát triển KH&CN là quốc sách hàng đầu; KH&CN giữ vai trò then chốt trong sự nghiệp phát triển KT-XH của đất nước*”. Đây là cơ sở pháp lý cao nhất và quan trọng nhất nhằm định hướng cho việc ban hành văn bản pháp luật để phát triển KH&CN phục vụ phát triển công nghiệp hóa (CNH), hiện đại hóa (HĐH) đất nước.

Đảng ta đã có những chủ trương, chính sách phát triển KH&CN: Nghị quyết Hội nghị Trung ương 2 Khóa VIII đã xác định “*KH&CN cùng với giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là động lực phát triển KT-XH, là điều kiện cần thiết để giữ vững độc lập dân tộc và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội; CNH, HĐH đất nước phải bằng và dựa vào KH&CN*”; Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XI về “*Phát KH&CN phục vụ sự nghiệp CNH, HĐH trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*” khẳng định “*Phát triển và ứng dụng KH&CN là quốc sách hàng đầu, là một trong những động lực quan trọng nhất để phát triển KT-XH và bảo vệ Tổ quốc; là một nội dung cần được ưu tiên tập trung đầu tư trước một bước trong hoạt động của các ngành, các cấp. Sự lãnh đạo của Đảng, năng lực quản lý của Nhà nước và tài năng, tâm huyết của đội ngũ cán bộ KH&CN đóng vai trò quyết định thành công của sự nghiệp phát triển KH&CN*”.

Cụ thể hóa chủ trương của Đảng, Quốc hội, Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản về KH&CN: Luật KH&CN số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013, Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017, Luật Công nghệ cao số 21/2008/QH12 ngày 13/11/2008, Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật KH&CN, Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ, Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ Quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động KH&CN, Nghị định số

13/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ về doanh nghiệp khoa học và công nghệ, Quyết định số 844/QĐ-TTg, ngày 18/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến 2025; Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành "Kế hoạch tổng thể nâng cao năng suất dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2021-2030",....

Các hệ thống văn bản pháp lý trên đã tạo điều kiện để KH&CN hội nhập và phát triển mạnh mẽ, ảnh hưởng sâu rộng tới nhiều mặt trong đời sống xã hội, mở ra cơ hội và thách thức đối với các doanh nghiệp và cơ quan quản lý, hoạch định chính sách về chuyển giao công nghệ. Làn sóng đổi mới công nghệ tốc độ cao song hành với hội nhập và tự do hóa thương mại toàn cầu sẽ tạo sức ép cạnh tranh, buộc các doanh nghiệp phải rà soát lại mô hình kinh doanh; cải thiện phương thức cung cấp sản phẩm, dịch vụ; không ngừng đổi mới công nghệ.

Đổi mới, cải tiến, chuyển giao công nghệ và phát triển tài sản trí tuệ là một trong những phương pháp tiếp cận nhanh nhất các công nghệ hiện đại trên thế giới. Đưa KH&CN trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, quyết định năng suất lao động, tạo ra của cải và cơ sở vật chất cho xã hội. Vì vậy phải có những chính sách hợp lý để bắt kịp hoặc thu hẹp khoảng cách hiện nay về công nghệ với các nước tiên tiến. Chúng ta có thể “đi tắt, đón đầu” những công nghệ mới, bằng cách hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp, Hợp tác xã, cơ sở sản xuất, hộ kinh doanh (*sau đây gọi chung là doanh nghiệp*) tích cực ứng dụng và chuyển giao công nghệ tiên tiến, từ đó giảm được nhiều chi phí nghiên cứu ban đầu, tập trung nguồn lực cho đầu tư phát triển.

Về chuyển giao công nghệ: Chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ chủ yếu thực hiện tại các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI). Các công nghệ cốt lõi đều do các doanh nghiệp FDI nắm bắt, các doanh nghiệp Việt Nam rất khó tiếp cận. Vì vậy việc tiếp nhận công nghệ của các doanh nghiệp trong nước từ các doanh nghiệp FDI rất ít. Do đó cần có cơ chế hỗ trợ để các doanh nghiệp trong nước chủ động, tích cực nhận hợp đồng chuyển giao công nghệ từ các nước tiên tiến để tiếp cận và dần làm chủ về công nghệ.

Tình hình kinh tế thế giới trong thời kỳ đầy mạnh toàn cầu hoá với kinh tế tri thức là trọng tâm của sự phát triển, đặc biệt là cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4.0 có nhiều biến đổi sâu sắc về công nghệ và cơ cấu sản phẩm. Thể hiện cụ thể trên các lĩnh vực:

(1) Trong quá trình toàn cầu hoá, các chuẩn mực quốc tế về nguyên tắc và các định chế quốc tế sẽ trở thành nền tảng chi phối đến sự vận hành của nền kinh tế thế giới. Theo đó, sự cạnh tranh giữa các quốc gia về nguồn lực và công nghệ sẽ ngày càng gay gắt hơn;

(2) Sự phụ thuộc lẫn nhau của các nước trên thế giới ở phạm vi khu vực và toàn cầu cũng như khoảng cách về kinh tế ngày càng lớn;

(3) Sự trỗi dậy của một số nền kinh tế mới nổi (nhất là Trung Quốc và Ấn Độ) làm dịch chuyển mạnh mẽ cơ cấu kinh tế trên phạm vi toàn cầu và theo vùng địa lý;

(4) Tiến bộ KH&CN với kinh tế tri thức, tạo cơ hội cho các nước đi sau bắt nhịp và tham gia chuỗi kinh tế toàn cầu, là thời cơ để "rút ngắn" quá trình CNH, HĐH. Với những thách thức và cơ hội trên đặt ra nhiệm vụ rất quan trọng trong lĩnh vực đổi mới công nghệ.

Tỉnh Quảng Trị, đã xây dựng 05 khu công nghiệp (03 khu công nghiệp có quyết định thành lập), 17 cụm công nghiệp. Tính đến tháng 12/2020, toàn tỉnh có gần 4.000 doanh nghiệp, trong đó các doanh nghiệp đang hoạt động chủ yếu trong các lĩnh vực: Cơ khí, Xây dựng, Dệt may, Thương mại - Dịch vụ, ... Tuy nhiên, phần lớn các doanh nghiệp Quảng Trị còn lúng túng khi gặp phải các vấn đề cần giải quyết liên quan đến công nghệ như: Nghiên cứu, cải tiến và ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất; Quá trình đổi mới công nghệ tại các doanh nghiệp chưa thật sự sâu và rộng; Thị trường công nghệ còn hạn chế.

Trình độ công nghệ hầu hết đang ở mức thấp. Với thực trạng trình độ công nghệ như vậy, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị chưa đủ năng lực để sản xuất tạo sản phẩm có giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh cao. Vì vậy, nền sản xuất công nghiệp của Quảng Trị chưa theo kịp với sự phát triển và tương xứng với tiềm năng, lợi thế của tỉnh. Dẫn đến Quảng Trị đang đứng trước thách thức lớn do xu hướng phát triển đang bị chậm lại và tốc độ đổi mới công nghệ của Quảng Trị chưa được cải thiện.

Thị trường khoa học công nghệ có vai trò trung tâm trong việc đẩy mạnh việc ứng dụng, chuyển giao các tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất, đưa khoa học công nghệ vào cuộc sống, nhất là trong bối cảnh của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Tuy nhiên thị trường khoa học công nghệ Quảng Trị còn phát triển chậm, vẫn còn rất nhỏ bé, chưa sôi động, thiếu môi trường pháp lý đầy đủ và cơ chế chính sách thúc đẩy hỗ trợ, thiếu sự quan tâm chỉ đạo cần thiết. Một số doanh nghiệp đã mua sắm công nghệ nhưng do thiếu kiến thức, thông tin thị trường công nghệ dẫn đến đầu tư công nghệ lỗi thời, không phát huy hiệu quả. Một số doanh nghiệp đang tham gia thị trường và hoạt động khoa học công nghệ nhưng vẫn e ngại do dự đăng ký trở thành doanh nghiệp KH&CN. Những tồn tại hạn chế nêu trên phải được khắc phục bằng một cơ chế chính sách thúc đẩy và phát triển thị trường khoa học công nghệ.

Qua thực tiễn cho thấy chính sách và cơ chế tài chính khuyến khích đầu tư vào hoạt động KH&CN còn tồn tại một số vướng mắc, bất cập nhất định cần được điều chỉnh, bổ sung nhằm đáp ứng yêu cầu của thực tiễn, yêu cầu của cải cách thủ tục hành chính cũng như để bảo đảm hiệu quả các hoạt động hỗ trợ, cụ thể: Nhiều chính sách liên quan đến hỗ trợ đẩy mạnh phát triển KH&CN chưa được nghiên cứu để xem xét ban hành tại Nghị quyết 31/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của HĐND tỉnh "*về chính sách hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng các kết quả KH&CN trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017-2025*". Trong Nghị quyết hiện tại có nội dung liên quan đến hỗ trợ đổi mới công nghệ, tài sản trí tuệ, áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến, tuy nhiên qua thực tế triển khai trên địa bàn tỉnh do phạm vi các loại hình công nghệ được hỗ trợ hẹp, yêu cầu về điều kiện chưa phù hợp với tình hình sản xuất thực tiễn của doanh nghiệp ở địa phương, mức hỗ trợ thấp không thu hút được doanh nghiệp quan tâm,...nên đến

nay chỉ có 03 doanh nghiệp được hỗ trợ theo Nghị quyết này về hoạt động đổi mới, chuyển giao, ứng dụng công nghệ tiên tiến; Về hỗ trợ xác lập quyền sở hữu công nghiệp, hiện chính sách này cơ bản triển khai có hiệu quả, bước đầu nhận được sự quan tâm, thu hút các tổ chức, cá nhân tham gia (qua hơn 3 năm triển khai đã hỗ trợ kinh phí đăng ký bảo hộ nhãn hiệu trong nước cho 13 trường hợp với kinh phí là 603 triệu đồng), chưa tính việc hỗ trợ thông qua thực hiện các nhiệm vụ KH&CN. Về hỗ trợ xây dựng, áp dụng các hệ thống quản lý và công cụ cải tiến nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm đã hỗ trợ cho 38 trường hợp. Về ứng dụng và nhân rộng các kết quả từ việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã hỗ trợ 25 mô hình/dự án.

Nhiều tỉnh, thành phố đã ban hành mới các Nghị quyết, quyết định, quy định nhằm đẩy mạnh thu hút đầu tư và phát triển doanh nghiệp trong đó có cơ chế chính sách về đổi mới, cải tiến công nghệ, chuyển giao công nghệ, phát triển thị trường công nghệ: thành phố Đà Nẵng, Hải Phòng, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Nghệ An, Vĩnh Phúc, Đồng Tháp, Yên Bái,.... Vì vậy, tỉnh Quảng Trị cần thiết xây dựng các văn bản pháp lý phù hợp với thực tiễn làm cơ sở triển khai các hoạt động đổi mới, cải tiến công nghệ, chuyển giao công nghệ và phát triển tài sản trí tuệ.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

Qua những bất cập nêu trên, mục tiêu xây dựng chính sách nhằm chia sẻ gánh nặng chi phí cho doanh nghiệp khi đầu tư vào hoạt động KH&CN; giúp cho doanh nghiệp thấy được vai trò của KH&CN trong hoạt động sản xuất, kinh doanh; giúp doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hóa; bảo vệ, giữ gìn và phát huy tài sản trí tuệ; cải tiến mẫu mã, bao bì, nhãn hiệu sản phẩm, hàng hóa; nâng cao năng lực cạnh tranh; đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của người tiêu dùng trong và ngoài nước;... Đặc biệt, thông qua việc thực hiện văn bản sẽ tạo được động lực quan trọng, khuyến khích đối với doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp khởi nghiệp, Doanh nghiệp khoa học công nghệ. Từ đó góp phần phát triển bền vững kinh tế - xã hội của tỉnh, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước.

- Cụ thể hóa các chủ trương, quan điểm của Đảng, chính sách của Nhà nước mới để phát triển KH&CN phù hợp với tình hình thực tế tại Quảng Trị.

- Bổ sung chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới, cải tiến công nghệ; ứng dụng và nhân rộng các kết quả từ việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN nhằm tạo ra tiềm năng tăng trưởng cao.

- Tạo môi trường thuận lợi nhất cho hoạt động chuyển giao công nghệ trong nước và từ nước ngoài vào địa phương để nhanh chóng cải thiện trình độ công nghệ và năng lực hấp thụ công nghệ của doanh nghiệp từ đó giúp doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả của sản phẩm, dịch vụ.

- Khuyến khích các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh nghiên cứu, tiếp nhận chuyển giao, ứng dụng những tiến bộ kỹ thuật, công nghệ - thiết bị mới vào sản xuất, kinh doanh, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và hạn chế tác hại đến môi trường nâng cao hiệu quả, chất lượng các dự án đầu tư vào tỉnh.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp nâng cao trình độ công nghệ nhằm góp phần hợp lý hóa sản xuất, tạo sản phẩm mới, sản phẩm có chất lượng, có giá trị kinh tế cao, thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng;

- Đẩy mạnh hoạt động thị trường công nghệ, đổi mới sáng tạo và sáng chế trong lĩnh vực công nghệ - thiết bị.

- Ứng dụng các công nghệ quản lý tiên tiến, truy xuất nguồn gốc, tiêu tiêu của sản phẩm, phát triển tài sản trí tuệ,... và đẩy mạnh thương mại hóa kết quả nghiên cứu.

- Nâng cao chất lượng tăng trưởng, phát triển theo chiều sâu dựa trên tri thức đổi mới, sáng tạo, KH&CN cao.

II. Đánh giá tác động của chính sách cần bổ sung

1. Chính sách: Hỗ trợ ứng dụng, đổi mới công nghệ, chuyển giao công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ cao trong sản xuất công nghiệp và dịch vụ, trong sản xuất và chế biến hàng hóa nông lâm, thủy sản; ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp.

1.1. Xác định vấn đề bất cập

Năng suất của nền kinh tế có 3 yếu tố chính là năng suất lao động, năng suất vốn và năng suất các yếu tố tổng hợp (TFP). TFP cũng chính là những đóng góp từ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo vào năng suất. Thời gian qua, khi mà dư địa để tăng năng suất từ năng suất lao động và năng suất vốn không còn nhiều, việc tăng TFP chính là động lực để thúc đẩy tăng năng suất trong doanh nghiệp cũng như năng suất của nền kinh tế nhiều nước nói chung và Việt Nam nói riêng. Ngày 18/01/2021, Thủ tướng Chính phủ ban hành "Kế hoạch tổng thể nâng cao năng suất dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2021-2030" tại Quyết định số 36/QĐ-TTg. Điều này chứng tỏ rằng không chỉ về hiệu quả vốn đầu tư, năng suất lao động, mà TFP đối với các ngành đều có mức độ ảnh hưởng đến chất lượng nền kinh tế. Do vậy cần nâng cao hiệu quả đầu tư, đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ KH&CN nhằm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm góp phần tăng trưởng kinh tế bền vững.

Hiện trạng công nghệ các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Trị cơ bản thuộc 05 lĩnh vực: sản xuất vật liệu xây dựng; cơ khí; điện; chế biến nông - lâm - sản, thực phẩm; dệt may và lĩnh vực khác. Trình độ công nghệ các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị phần lớn ở mức thấp, công nghệ lạc hậu; một số công nghệ trung bình tiên tiến và quá ít công nghệ tiên tiến (gần như là không đáng kể). Với thực trạng trình độ công nghệ như vậy, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị chưa đủ năng lực để sản xuất tạo sản phẩm có giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh cao. Mặt khác, hàng năm Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh,... tiến hành thẩm định, cho ý kiến về công nghệ các dự án đầu tư mới trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật và cho thấy trình độ công nghệ hầu hết các dự án nằm ở mức trung bình, một số ít dự án đầu tư nước ngoài có trình độ trung bình tiên tiến.

Về hợp đồng chuyển giao công nghệ: Trong những năm qua chủ yếu là các doanh nghiệp FDI thực hiện, các hợp đồng giữa công ty mẹ từ nước ngoài (Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc,...) với các công ty con FDI trong nước, tuy nhiên, việc đăng ký không bắt buộc nên chưa có hợp đồng chuyển giao công nghệ được đăng ký tại Sở KH&CN. Các doanh nghiệp trong nước không có hoặc có nhưng không thực hiện đăng ký tại Sở KH&CN. Qua rà soát cho thấy, Hợp đồng chuyển giao công nghệ của doanh nghiệp có vốn đầu tư trong nước là hợp đồng chuyển giao công nghệ thường thực hiện ở dạng kèm theo mua máy móc thiết bị không tách rời nên không thực hiện đăng ký. Muốn nâng cao được năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất các doanh nghiệp trong nước cần tăng cường áp dụng các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới thông qua hình thức thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ. Để thực hiện tốt điều này, cần có chính sách khuyến khích cụ thể của tỉnh đối với các doanh nghiệp, tổ chức cá nhân.

Các tỉnh tại các khu vực lân cận và trong nước đã hình thành nhiều chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ, chuyển giao như: Đà Nẵng, Quảng Nam, Nghệ An, Hà Tĩnh, Vĩnh Phúc, Bình Dương, Cao Bằng, Khánh Hòa, Lâm Đồng... Các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp từ 200 - 500 triệu đồng khi thực hiện đổi mới công nghệ, chuyển giao.

Điều đó đã đưa ra vấn đề tỉnh Quảng Trị cần phải có cơ chế khuyến khích và thúc đẩy các doanh nghiệp đổi mới công nghệ, thiết bị, chuyển giao công nghệ, phát triển tài sản trí tuệ và áp dụng các tiêu chuẩn quản lý tiên tiến nhằm nâng cao giá trị cho sản phẩm tạo ra.

1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

a) Hỗ trợ một phần kinh phí nhằm thúc đẩy hoạt động mới, cải tiến công nghệ và chuyển giao công nghệ tại các doanh nghiệp nhằm nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm, hiệu quả kinh tế cao, thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng;

b) Góp phần phát triển doanh nghiệp bền vững, nâng cao sức cạnh tranh, thúc đẩy kinh tế phát triển.

c) Thu hút sự quan tâm của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đến hoạt động đổi mới, chuyển giao công nghệ.

d) Hỗ trợ doanh nghiệp một phần chi phí từ nguồn ngân sách KH&CN của tỉnh để khích lệ doanh nghiệp chủ động ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ sản xuất sạch, đổi mới công nghệ, thiết bị và chuyển giao công nghệ.

1.3. Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Ban hành nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng các kết quả KH&CN trên địa bàn tỉnh Quảng Trị bao gồm: nâng mức hỗ trợ để phù hợp với tình hình thực tế của địa phương cụ thể:

+ Hỗ trợ tối đa bằng 30% kinh phí thực hiện dự án và tối đa không quá 500 triệu đồng cho ứng dụng, đổi mới công nghệ, chuyển giao công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ cao trong sản xuất công nghiệp và dịch vụ, trong sản xuất và chế biến hàng hóa nông lâm, thủy sản; ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp.

1.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

- Đối với quy định hiện tại không đảm bảo hiệu quả tối ưu trong việc huy động nguồn lực của xã hội vào hoạt động KH&CN chưa được chú trọng; đầu tư cho KH&CN còn thấp, hiệu quả sử dụng chưa cao. Do nội dung và định mức hỗ trợ không đáp ứng về mặt kinh tế, nhu cầu đổi mới, cải tiến, chuyển giao công nghệ, hợp lý hóa sản xuất, hoàn thiện công nghệ; thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm và thương mại hóa kết quả nghiên cứu.

- Trong bối cảnh kinh tế hội nhập hiện nay, đặc biệt là tỉnh Quảng Trị đang trong quá trình thu hút doanh nghiệp đầu tư đổi mới, cải tiến chuyển giao công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu nhằm tăng năng suất chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Do đó với quy định hiện tại thiếu quy định về hỗ trợ hợp lý hóa sản xuất, hoàn thiện công nghệ và sản xuất thử nghiệm; thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm và thương mại hóa kết quả nghiên cứu, chưa theo kịp với quy luật thị trường làm giảm sức hấp dẫn trong đầu tư hoạt động KH&CN, hệ quả kìm hãm sự phát triển kinh tế - xã hội.

- Quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh, trong đó có hỗ trợ đổi mới công nghệ cơ bản đã đạt được mục đích xây dựng cơ chế, đảm bảo hệ thống pháp luật cho hoạt động ứng dụng KH&CN trong phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh. Tuy nhiên, thực tiễn hơn 3 năm thi hành cho thấy chính sách và cơ chế tài chính khuyến khích đầu tư vào hoạt động KH&CN còn tồn tại một số vướng mắc, bất cập nhất định cần được sửa đổi, bổ sung nhằm đáp ứng yêu cầu của thực tiễn, yêu cầu của cải cách thủ tục hành chính cũng như để bảo đảm hiệu quả các hoạt động hỗ trợ.

Giải pháp đề xuất sửa đổi để đảm bảo thực hiện chủ trương, định hướng quản lý của Nhà nước về KH&CN, giá trị ngân sách hỗ trợ hàng năm tính theo giá tuyệt đối không lớn nhưng tạo ra được giá trị rất lớn trong việc định hướng doanh nghiệp quan tâm ngày càng nhiều hơn đến đổi mới, cải tiến, chuyển giao công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu,...

Có thể thấy lợi ích của việc đổi mới, cải tiến công nghệ, chuyển giao công nghệ trong sản xuất các sản phẩm là chiến lược không thể thiếu trong kinh doanh và trong công tác phát triển thị trường KH&CN. Với thực trạng trình độ công nghệ sản xuất còn thấp việc xây dựng chính sách này là phù hợp với tình hình thực tiễn hiện nay.

Khi chính sách được thực hiện có tác dụng thúc đẩy các hoạt động đổi mới công nghệ. Các doanh nghiệp và các tổ chức khoa học công nghệ sẽ tích cực hơn trong việc tìm kiếm công nghệ để xây dựng lộ trình đổi mới, cải tiến công nghệ hoặc thực hiện chuyển giao công nghệ. Khi công nghệ mới được đưa vào sản xuất kinh doanh sẽ nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa, nâng cao khả năng cạnh tranh và phát triển bền vững. Đồng thời tăng cường ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn sản xuất tạo ra các sản phẩm mới, các công nghệ mới.

Với chính sách hỗ trợ về đổi mới, cải tiến công nghệ, chuyển giao công nghệ và thị trường công nghệ sẽ tạo điều kiện thu hút đầu tư các doanh nghiệp

có công nghệ cao đầu tư vào Quảng Trị góp phần cải thiện môi trường đầu tư và bảo vệ môi trường.

2. Chính sách: Hỗ trợ ứng dụng và nhân rộng các kết quả từ việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN các cấp phục vụ phát triển kinh tế xã hội.

2.1. Xác định vấn đề bất cập

Hiện nay, việc ứng dụng các kết quả nghiên cứu từ việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN các cấp đã được nghiệm thu đánh giá tốt; việc nhân rộng các mô hình ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ có hiệu quả trong sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh còn gặp nhiều khó khăn và chưa đáp ứng nhu cầu phát triển. Việc ứng dụng tiến bộ KH&CN vào thực tế chưa được đầu tư, quản lý, giám sát và thực hiện một cách thống nhất, chưa có các ứng dụng KHCN tạo thành chuỗi sản phẩm, tạo đột phá mang tính quyết định để các sản phẩm đặc sản, các cây, con mới có giá trị trở thành sản phẩm hàng hóa.

Nguyên nhân cơ bản: Các doanh nghiệp/tổ chức/cá nhân có nhu cầu ứng dụng, nhân rộng các mô hình/dự án ứng dụng tiến bộ KH&CN đã thành công trong thực tiễn còn gặp nhiều khó khăn, lúng túng trong việc tiếp cận với các nhà khoa học, với các tổ chức KHCN; khả năng đầu tư, tiếp nhận quy trình, công nghệ, phát triển sản xuất còn hạn chế về nhân lực và vật lực. Chính sách hỗ trợ của nhà nước nhằm ứng dụng và nhân rộng các kết quả khoa học và công nghệ còn hạn chế về kinh phí. Trong bối cảnh Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra mạnh mẽ trên thế giới tạo nên những thay đổi rất lớn trong phát triển kinh tế toàn cầu, với trung tâm là sự phát triển công nghệ mới vào ứng dụng trong các ngành, lĩnh vực nhất là lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp tự động hóa,....

2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Hỗ trợ ứng dụng và nhân rộng các kết quả từ việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN các cấp, các mô hình/dự án ứng dụng tiến bộ KH&CN đã thành công trong thực tiễn nhằm: tăng cường liên kết giữa nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học và công nghệ; đẩy mạnh việc ứng dụng các kết quả khoa học và công nghệ, tạo động lực phục vụ phát triển trong lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

Tạo điều kiện, đơn giản hóa về thủ tục, giúp doanh nghiệp/tổ chức/cá nhân có nhu cầu tiếp cận với chính sách hỗ trợ của nhà nước trong việc ứng dụng KH&CN phát triển sản xuất.

2.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

- Tăng cường việc quản lý, giám sát và thực hiện một cách thống nhất nhằm xác định và triển khai các nhiệm vụ KH&CN theo hướng tập trung ứng dụng tiến bộ KH&CN phục vụ sản xuất, tạo chuỗi sản phẩm, tạo đột phá mang tính quyết định để các sản phẩm đặc sản, các cây con có giá trị ở các địa phương trở thành sản phẩm hàng hóa.

- Tăng cường công tác truyền thông nhằm phổ biến rộng rãi kiến thức khoa học- kỹ thuật, các tiến bộ KH&CN, các kết quả nghiên cứu KH&CN có giá trị thực tiễn cao trong cộng đồng.

- Nhà nước tạo điều kiện hỗ trợ các doanh nghiệp/tổ chức/cá nhân có nhu cầu ứng dụng, nhân rộng các kết quả từ việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN cụ thể:

+ Hỗ trợ tối đa bằng 30% kinh phí thực hiện dự án và tối đa không quá 500 triệu đồng cho dự án ứng dụng và nhân rộng kết quả từ việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

2.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan.

Việc tăng cường quản lý, giám sát trong việc đặt hàng, xác định nhiệm vụ KH&CN các cấp sẽ giải quyết được vấn đề quan trọng: KH&CN xuất phát từ nhu cầu thực tiễn và sản phẩm KH&CN đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội phù hợp với quy hoạch, định hướng phát triển của địa phương.

Chính sách của nhà nước sẽ tạo điều kiện định hướng và hỗ trợ thực hiện cho các doanh nghiệp/tổ chức/cá nhân thực hiện các dự án ứng dụng KH&CN phát triển sản xuất, kinh doanh, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, gia tăng doanh thu, lợi nhuận, tạo điều kiện giải quyết việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động đồng thời cải thiện nguồn thu ngân sách của tỉnh.

Ưu tiên thực hiện các nhiệm vụ KH&CN các cấp theo cơ chế đặt hàng, có mục tiêu, nội dung, địa chỉ ứng dụng cụ thể, sản phẩm của nhiệm vụ đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội phù hợp với quy hoạch, định hướng phát triển của địa phương. Quản lý, giám sát chặt chẽ đơn vị chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ trong chuyên giao, ứng dụng các kết quả nghiên cứu KH&CN.

Hỗ trợ một phần kinh phí từ ngân sách nhà nước cho các doanh nghiệp/tổ chức/cá nhân có nhu cầu ứng dụng, nhân rộng các kết quả từ việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN các cấp;

3. Chính sách: Hỗ trợ đối với hoạt động lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng và sở hữu trí tuệ.

3.1. Xác định vấn đề bất cập

(1) Hoạt động phát triển thị trường KH&CN kết nối giữa doanh nghiệp với nhà cung cấp, sản giao dịch công nghệ; hỗ trợ, giới thiệu doanh nghiệp tham gia các sự kiện về cung - cầu công nghệ,... hiện chưa có chính sách hỗ trợ; (2) Nhằm triển khai hiệu quả Quyết định số 100/QĐ-TTg ngày 19/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ “*về phê duyệt Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc*” và để tiếp tục có cơ sở pháp lý thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ trên cần thiết phải ban hành quy định cụ thể chính sách hỗ trợ xây dựng, áp dụng các hệ thống quản lý và công cụ cải tiến năng suất, chất lượng, truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

- Xác định những vấn đề bất cập nêu trên cho thấy thực tiễn thiếu quy định về hỗ trợ xây dựng, áp dụng các hệ thống quản lý và công cụ cải tiến năng suất, chất lượng, truy xuất nguồn gốc, cụ thể: thực hành nông nghiệp tốt (G.A.P), thực hành sản xuất tốt (GMP), thực hành tốt trồng trọt và thu hái (GACP), sản xuất nông nghiệp hữu cơ, năng suất xanh,... hoặc xây dựng và áp dụng tích hợp các hệ thống quản lý chất lượng, truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

- Nguyên nhân những bất cập này do chính sách hiện hành chưa quy định và mức hỗ trợ thấp để xây dựng và áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến, trong khi để có thể nâng cao khả năng cạnh tranh doanh nghiệp cần áp dụng hệ thống quản lý tiên tiến và không quy định hỗ trợ trong việc xây dựng và áp dụng các công cụ cải tiến năng suất, chất lượng.

Trong bối cảnh hội nhập hiện nay, sự cạnh tranh không chỉ xuất hiện khi hàng hóa Việt Nam đi ra thế giới mà còn ở ngay thị trường trong nước, khi hàng hóa thế giới tiến vào Việt Nam. Việc đảm bảo hàng hóa có chất lượng tốt là điều rất quan trọng cho khả năng cạnh tranh. Tuy nhiên, doanh nghiệp cần đảm bảo cơ sở cho niềm tin của người tiêu dùng. Giải pháp là hệ thống minh bạch thông tin về quá trình hàng hóa từ lúc sản xuất cho đến khi tới tay người tiêu thụ. Nhiều doanh nghiệp đã hướng đến sản xuất thực phẩm đạt các tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, ASC, HACCP, GMP, G.A.P,..., nhưng như vậy vẫn chưa đủ nghiêm ngặt cho chuẩn mực chất lượng. Người tiêu dùng cần có sự minh bạch hơn về quy trình, nguồn gốc sản phẩm, tức họ cần có thông tin truy xuất nguồn gốc tại tất cả các khâu trong chuỗi sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, để biết liệu đơn vị cung cấp sản phẩm có nỗ lực tối đa trong vấn đề đảm bảo chất lượng sản phẩm hay không; sản phẩm có được kiểm soát chất lượng một cách nghiêm túc trong toàn bộ chuỗi cung ứng hay không. Thêm vào đó nhu cầu về thử nghiệm chất lượng hàng hóa; kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo trong hoạt động sản xuất ngày càng cao. Vì vậy vấn đề thực hiện thử nghiệm chất lượng hàng hóa; kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo là một đòi hỏi cấp thiết cho nên tỉnh Quảng Trị cần xây dựng cơ chế quản lý và đầu tư kịp thời và hiệu quả.

Cùng với sự phát triển của nền cách mạng công nghiệp 4.0, với IoT, internet kết nối vạn vật đòi hỏi các tổ chức kinh tế phải trang bị cho mình những năng lực đủ mạnh để đáp ứng sự cạnh tranh. Vì vậy đòi hỏi các cơ quan quản lý nhà nước phải kịp thời nhạy bén trong việc ban hành cơ chế quản lý, thu hút đầu tư vào hoạt động kinh doanh nhất là trong lĩnh vực KH&CN hiện nay còn thiếu và không còn phù hợp.

3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Mở rộng tần suất hỗ trợ doanh nghiệp trong xây dựng và áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến; bổ sung nội dung hỗ trợ xây dựng và áp dụng các công cụ cải tiến năng suất, chất lượng nhằm giúp doanh nghiệp nâng cao khả năng cạnh tranh.

- Xây dựng nhãn hiệu, tiêu chuẩn sản phẩm, truy xuất nguồn gốc cho các nông sản chủ lực của tỉnh, tiến tới xây dựng thương hiệu sản phẩm nông nghiệp của địa phương; tạo sự liên kết chặt chẽ trong từng khâu sản xuất, kiểm soát được chất lượng sản phẩm; Đa dạng hóa các nội dung hỗ trợ về tiêu chuẩn đo lường chất lượng; hỗ trợ doanh nghiệp giải quyết các vấn đề bức thiết hiện nay về tiêu chuẩn, chất lượng và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa.

3.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Đề xuất bổ sung nội dung, đổi mới mức hỗ trợ chi phí xây dựng và áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến theo các tiêu chuẩn và hỗ trợ chi phí áp dụng các công cụ cải tiến năng suất, chất lượng; bảo hộ tài sản trí tuệ ra nước ngoài. Cụ thể bổ sung, sửa đổi:

- Hỗ trợ xây dựng, đăng ký và được cấp bằng sở hữu công nghiệp đối với mỗi nhãn hiệu hoặc kiểu dáng công nghiệp và tối đa không quá 3 nhãn hiệu hoặc kiểu dáng công nghiệp/năm/doanh nghiệp, cơ sở với mức 8 triệu đồng/văn bằng.

- Hỗ trợ xây dựng, đăng ký và được cấp văn bằng sở hữu công nghiệp đối với mỗi nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp đăng ký ở nước ngoài với mức hỗ trợ tối đa 40.000.000 đồng/văn bằng bảo hộ tại các nước ASEAN, 60.000.000 đồng/văn bằng bảo hộ tại các nước khác.

+ Hỗ trợ tối đa không quá 300 triệu đồng/doanh nghiệp được chứng nhận tiêu chuẩn thực hành tốt trồng trọt và thu hái (GACP - Good Agricultural and Collection Practices), tiêu chuẩn thực hành sản xuất tốt (GMP - Good manufacturing practice) và tối đa không quá 200 triệu đồng/doanh nghiệp cho chứng nhận lại; Hỗ trợ tối đa không quá 100 triệu đồng/doanh nghiệp được chứng nhận tiêu chuẩn hữu cơ và tối đa không quá 50 triệu đồng/doanh nghiệp cho chứng nhận lại.”

3.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

Trong sự vận động phát triển không ngừng của xã hội và sự tác động mạnh mẽ của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và yêu cầu của cơ chế thị trường hiện nay việc xây dựng và áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến theo các tiêu chuẩn, áp dụng các công cụ cải tiến năng suất, chất lượng sẽ tạo ra nhiều cơ hội phát triển thị trường cho nhà đầu tư, doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế là rất cần thiết. Qua đó sẽ mở rộng thị trường tiêu thụ nông phẩm, cơ hội khẳng định vị thế Việt Nam trên trường quốc tế. Quảng Trị là tỉnh nông nghiệp cần có giải pháp thúc đẩy sản xuất và tiêu thụ nông sản, xây dựng nâng cao chất lượng hàng nông sản trên thị trường, quản bá hình ảnh Quảng Trị đó là lợi ích rất lớn không thể đo được bằng tiền.

Mặt khác giá trị ngân sách hỗ trợ hàng năm tính theo giá tuyệt đối không lớn nhưng tạo ra được giá trị lớn trong việc nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp. Tăng khả năng cạnh tranh và tiếp thị; giảm chi phí do giảm sản phẩm hỏng và phải thu hồi; cải tiến quá trình sản xuất và điều kiện môi trường; cải tiến năng lực quản lý đảm bảo an toàn thực phẩm; tăng cơ hội kinh doanh và xuất, nhập khẩu thực phẩm; điển hình như việc áp dụng tiêu chuẩn GMP, HACCP giúp các doanh nghiệp có rất nhiều lợi ích. Việc áp dụng trong cả một chuỗi quy trình sản xuất từ chế biến đến tiêu thụ là căn cứ khoa học về các mối nguy cho sức khỏe của con người. Việc áp dụng tiêu chuẩn này cũng giúp các doanh nghiệp thúc đẩy buôn bán quốc tế nhờ sự tin tưởng về an toàn thực phẩm và các cấp có thẩm quyền trong việc thanh tra.

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay, đặc biệt Quảng Trị phát triển mạnh mẽ thị trường nông sản gắn với truy xuất nguồn gốc, nhất là nông sản đặc thù, thì nhu cầu bảo hộ, chứng nhận nhãn hiệu hàng hóa càng tăng cao.

- Việc bổ sung quy định chính sách này sẽ làm phát sinh thêm công việc cho cơ quan quản lý nhà nước từ đó phát sinh các chi phí như: chi phí xây dựng văn bản, chi phí thanh tra, kiểm tra giám sát các thủ tục hành chính, hoạt động KH&CN được hỗ trợ.

- Giá trị ngân sách hỗ trợ hàng năm tính theo giá tuyệt đối không lớn nhưng tạo ra được giá trị lớn trong việc nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp. Tăng sản lượng cũng như chất lượng nhất là mặt hàng nông sản xuất khẩu sang thị trường các nước Hoa kỳ, Hàn Quốc, Nhật, Trung Quốc,...

Để thực hiện được chính sách này, quy trình hồ sơ thủ tục hành chính được xây dựng đảm bảo theo quy định của pháp luật về trình tự và hợp lý không tạo khó khăn, rườm rà trong quá trình thực hiện của tổ chức cá nhân thực hiện đề nghị xét duyệt hỗ trợ. Không phát sinh thêm chi phí tuân thủ pháp luật khác (ngoài chi phí đi lại, photo, in ấn...)

III. Ý kiến tham vấn

Qua 2 lần lấy ý kiến góp ý dự thảo, đa số các sở, ngành, địa phương đồng tình là cần thiết phải sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng các kết quả khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025.

Sở Khoa học và Công nghệ đã tiếp thu, tổng hợp các ý kiến tham gia, bổ sung, chỉnh sửa hoàn chỉnh dự thảo.

IV. Giám sát và đánh giá

Căn cứ Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của HĐND tỉnh Quảng Trị “*về chính sách hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng các kết quả khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017-2025*”. Ngày 11/7/2018, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1569/QĐ-UBND “*về ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị*”.

Trên cơ sở Quyết định số 1569/QĐ-UBND ngày 11/7/2018 giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện có hiệu quả các chính sách; tổng hợp kết quả, định kỳ báo cáo UBND và HĐND tỉnh.

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên của Mặt trận và các tổ chức xã hội khác giám sát, đánh giá việc thực hiện chính sách.

Trên đây là báo cáo đánh giá tác động chính sách dự thảo Nghị quyết HĐND quy định về “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của HĐND tỉnh “*về chính sách hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng các kết quả KH&CN trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017-2025*”.

Nơi nhận:

- TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Tư pháp, Tài chính, KH&ĐT, KH&CN;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KHCN. *h*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Võ Văn Hưng